

Số: 4618/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2022
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ – TP. M

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc H
2. Bà Phạm Thị Ngọc D

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thúy N – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị T- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án của Toà án nhân dân thành phố Đ đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2333/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 8607/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh L, sinh năm 1969
Địa chỉ: 37/8 Đường số 23, Khu phố 3, phường BTĐ, thành phố Đ, TP. M.
2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1983
Địa chỉ: 37/8 Đường số 23, Khu phố 3, phường BTĐ, thành phố Đ, TP. M

Tại phiên tòa, ông Trần Thanh L và bà Phạm Thị Kim T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Trần Thanh L trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Kim T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2007, do Ủy ban nhân dân phường BK, Quận 2 (nay là phường AK, thành phố Đ), Thành phố M cấp ngày 28/6/2007. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng bắt đầu từ giữa năm 2013, ông và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thể chia sẻ và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là Trần Phạm Anh T, sinh ngày 10/04/2010 và Trần Phạm Anh T, sinh ngày 15/11/2011. Khi ly hôn, ông yêu cầu giao con chung Trần Phạm Anh T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao con chung Trần Phạm Anh T cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Kim T trình bày:

Bà Phạm Thị Kim T thống nhất về lời trình bày của ông Trần Thanh L về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn. Theo đó, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2013 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Nay, bà đồng ý trước yêu cầu ly hôn của ông L.

Về con chung: Bà và ông Trần Thanh L có 02 con chung tên Trần Phạm Anh T, sinh ngày 10/04/2010 và Trần Phạm Anh T, sinh ngày 15/11/2011. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Trần Thanh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu được ly hôn bà Phạm Thị Kim T. Khi ly hôn, ông L yêu cầu giao con chung Trần Phạm Anh T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao con chung Trần Phạm Anh T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông L không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị Kim T xác định về việc đồng ý ly hôn với ông Trần Thanh L. Đồng thời, bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Trần Phạm Anh T, sinh ngày 10/04/2010 và Trần Phạm Anh T, sinh ngày 15/11/2011 và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Ông Trần Thanh L yêu cầu được ly hôn bà Phạm Thị Kim T, bà T đồng ý ly hôn với ông L. Do đó, về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông L với bà T

Về con chung: Ông Trần Thanh L và bà Phạm Thị Kim T có 02 con chung là Trần Phạm Anh T, sinh ngày 10/04/2010 và Trần Phạm Anh T, sinh ngày 15/11/2011. Khi ly hôn, ông L yêu cầu giao con chung Trần Phạm Anh T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao con chung Trần Phạm Anh T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung. Tại bản khai ngày 26/10/2022, trẻ Trần Phạm Anh T trình bày nguyện vọng được ở với mẹ là bà Phạm Thị Kim T và trẻ Trần Phạm Anh T trình bày nguyện vọng được ở với cha là ông Phạm Thanh L khi cha mẹ ly hôn. Do đó, xét nguyện vọng của trẻ T và trẻ T nên đề nghị Hội đồng xét xử giao trẻ Trần Phạm Anh T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao Trần Phạm Anh T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận việc ông L và bà T không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Trần Thanh L và bà Phạm Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Ông Trần Thanh L yêu cầu ly hôn bà Phạm Thị Kim T, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án. Bị đơn bà T hiện cư trú tại thành phố Đ, Thành phố M, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố M.

Về nội dung:

[1]. Ông Trần Thanh L và bà Phạm Thị Kim T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2007, do Ủy ban nhân dân phường BK, Quận 2 (nay là phường AK, thành phố Đ), Thành phố M cấp ngày 28/6/2007. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình thì hôn nhân của ông L và bà T được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Thanh L yêu cầu được ly hôn bà Phạm Thị Kim T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời khai ông L xác định: Từ giữa năm 2013, ông L và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thể chia sẻ, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Bà T xác định: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2013 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Nay, ông L yêu cầu ly hôn bà T cũng đồng ý. Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình và có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng thực tế ông L và bà T không

còn sự quan tâm, chăm sóc và chung sống với nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông L và bà T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nay ông L yêu cầu được ly hôn bà T và bà T đồng ý ly hôn với ông L nên Hội đồng xét xử xét thấy về hôn nhân ông L và bà T thuận tình ly hôn.

[3]. Về con chung: Ông Trần Thanh L và bà Phạm Thị Kim T có 02 con chung là Trần Phạm Anh T, sinh ngày 10/04/2010 và Trần Phạm Anh T, sinh ngày 15/11/2011. Khi ly hôn, ông L yêu cầu giao con chung Trần Phạm Anh T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao con chung Trần Phạm Anh T cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung. Tại bản khai ngày 26/10/2022, trẻ Trần Phạm Anh T trình bày nguyện vọng được ở với mẹ là bà Phạm Thị Kim T và trẻ Trần Phạm Anh T trình bày nguyện vọng được ở với cha là ông Phạm Thanh L khi cha mẹ ly hôn. Do nguyện vọng của trẻ T muốn được ở với mẹ là bà T, trẻ T có nguyện vọng được ở với cha là ông L nên Hội đồng xét xử xét giao trẻ Trần Phạm Anh T, sinh ngày 10/04/2010 cho bà Phạm Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao Trần Phạm Anh T, sinh ngày 15/11/2011 cho ông Trần Thanh L trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc ông Trần Thanh L và bà Phạm Thị Kim T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: Ông Trần Thanh L và bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân sơ thẩm ông Trần Thanh L phải chịu.

[6]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9; Điều 19; Điều 51; Điều 55, Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh L và bà Phạm Thị Kim T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao trẻ Trần Phạm Anh T, sinh ngày 10/04/2010 cho bà Phạm Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao trẻ Trần Phạm Anh T, sinh ngày 15/11/2011 cho ông Trần Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận việc ông Trần Thanh L và bà Phạm Thị Kim T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết các bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về tài sản chung: Ông Trần Thanh L và bà Phạm Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Thanh L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0028737 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đ;
- THA thành phố Đ;
- TATP;
- Các đương sự;
- UBND phường AK;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị T

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị T

